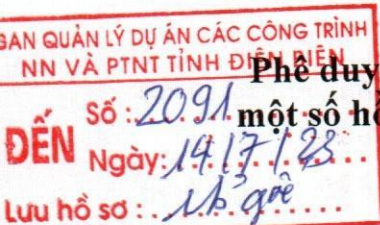


Số: ~~2734~~/QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH



Phê duyệt dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa nước tỉnh Điện Biên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 10/2021/TT-BXD ngày 09/02/2021 hướng dẫn Nghị định 06/2021/NĐ-CP và Nghị định 44/2016/NĐ-CP; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư; số 4351/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/11/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Căn cứ văn bản số 1205/UBND-KTN ngày 10/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc đề nghị giao nhiệm vụ Chủ đầu tư và văn bản số 2230/UBND-KTN ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc

thống nhất quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư Dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Điện Biên, thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Xét Tờ trình số 88/TTr-BQL2-KHTĐ ngày 26/6/2023 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 (Ban 2) về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa nước tỉnh Điện Biên thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 825/BC-TL-ATĐ ngày 05/7/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Điện Biên thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Điện Biên.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Pe Luông, Hồng Khénh, Na Hưm nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Thủy công thuộc Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi - Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP - Công Ty TNHH Nam Việt - Viện đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng An Thịnh (Liên danh THUY CONG - CRA - HEC - NAMVIET - IEAS - ANTHINH).

6. Địa điểm xây dựng:

- Hồ Hồng Khénh: Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Hồ Pe Luông: Xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Hồ Na Hưm: Xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm B.

- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:

Chỉ tiêu thiết kế	Pe Luông	Hồng Khánh	Na Hươm
Cấp công trình	II	II	II
Tần suất lũ thiết kế (%)	1	1	1
Tần suất lũ kiểm tra (%)	0,2	0,2	0,2

9. Số bước thiết kế:

Thiết kế 2 bước:

- Thiết kế cơ sở
- Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- QCVN 04-05:2012/BNN&PTNT, QCVN 04-05:2022/BNN&PTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- TCVN 8216:2018 Công trình thủy lợi – Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9147 : 2012 Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi – Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn thiết kế;
- TCVN 9115:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9166:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thi công bằng phương pháp đầm nén nhẹ.
- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.
- Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn khác có liên quan.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

11.1. Hồ Pe luông:

a) Đập đất:

- Cải tạo mặt đập, tường chắn sóng, gờ chắn bánh (tạo phẳng, gia cố bê tông nhựa mặt đập; xây mới tường chắn sóng, gờ chắn bánh,...).

- Sửa chữa mái thượng lưu đập: Đắp hoàn thiện mái ở các vị trí mái chưa đạt hệ số mái thiết kế. Phạm vi từ cao trình đỉnh đập 547,36 xuống cao trình khoảng +543,22, bóc bỏ đá lát khan (tận dụng để sử dụng vào công trình), thay thế gia cố bằng tấm BTCT M200, dưới là tầng lọc ngược. Từ khoảng cao trình +543,22 đến mực nước chết giữ nguyên kết cấu đá lát khan, chỉ sửa chữa lát lại những hư hỏng,

không đảm bảo chiều dày gia cố.

- Sửa chữa mái hạ lưu đập: Làm mới thiết bị thoát nước thân đập kiểu áp mái; làm mới hệ thống rãnh thoát nước mái đập kích thước (b×h)=(0,2×0,2)m kết cấu bằng bê tông M200, khoảng cách giữa các ô rãnh mái là 6×6m; rãnh tiêu nước đứng kích thước (b×h)=(0,3×0,3)m kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa M75, khoảng cách giữa các rãnh theo tiêu chuẩn hiện hành. Bố trí rãnh tiêu nước ở vị trí tiếp giáp mái đập với sườn núi. Rãnh có mặt cắt chữ nhật (b×h)=(0,4×0,5)m, kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa XM M75.

- Thân đập: Khoan phụt chống thấm thân đập chiều dài L=140m (phạm vi về phía bên cống lấy nước).

- Xây mới tường chắn sóng L=280m, kết cấu BTCT M200.

- Xử lý môi thân đập.

b) Trần xả lũ:

- Giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn; mở rộng khoang tràn ở giữa có cửa từ 2 cửa 4×4m sang 3 cửa 4×8m, để đảm bảo yêu cầu thoát lũ. Bố trí cửa van phẳng. Phía trên ngưỡng bố trí cầu công tác BTCT M200.

- Máy phát điện dự phòng.

c) Cống lấy nước: Giữ nguyên vị trí và kết cấu cống; bổ sung xây tháp van thượng lưu cống. Cống có chiều dài L=74,48m, khẩu độ cống D600.

d) Công trình phục vụ quản lý, vận hành:

- Khu nhà quản lý: Xây mới nhà quản lý trên hiện trạng nhà quản lý cũ có diện tích khuôn viên khoảng 90m² đặt bên vai phải đập. Nhà quản lý cấp IV, diện tích sàn dự kiến khoảng 70m².

- Xây dựng hệ thống quan trắc thấm, chuyển vị

- + Bố trí hệ thống quan trắc thấm trên 3 mặt cắt ngang quan trắc thấm hai bên vai đập và khu vực giữa đập tại vị trí lòng suối cũ, mỗi mặt cắt ngang bố trí 4 ống quan trắc, mỗi ống quan trắc đặt 01 thiết bị đo thấm trong thân đập và 01 thiết bị đo thấm nền đập;

- + Bố trí hệ thống quan trắc chuyển vị, trong đó có 3 mặt cắt ngang quan trắc chuyển vị hai bên vai đập và khu vực giữa đập tại vị trí lòng suối cũ, tổng cộng bố trí 11 mốc quan trắc đứng; hai đầu đỉnh đập xây dựng 3 mốc cơ sở để quan trắc chuyển vị của đập.

- Hệ thống giám sát:

- + Xây dựng 01 trạm đo mưa đầu mối kết hợp đo mực nước hồ.

- + Xây dựng 01 trạm giám sát độ mở cửa cống.

- + Xây dựng 01 trạm giám sát độ mở cửa 3 tràn.

- + Xây dựng cột thủy chí trên mái đập.

- Cắm mốc bảo vệ công trình đầu mối.

- Lập điều chỉnh quy trình vận hành.

11.2. Hồ Hồng Khénh:

a) Đập đất:

- Cải tạo mặt đập: Giữ nguyên kết cấu BT mặt đập cũ, tưới lên lớp nhựa bảm

dính, sau đó dải nhựa dày 7cm; mặt đập rộng $B=5,0\text{m}$; phạm vi sửa chữa từ mang tràn trái đến hết vai phải đập chính với tổng chiều dài gia cố khoảng $L=216\text{m}$.

- Xây mới tường chắn sóng $L=216\text{m}$, kết cấu BTCT M200.

- Sửa chữa mái thượng lưu đập: Đắp hoàn thiện mái ở các vị trí mái chưa đạt hệ số mái thiết kế. Phạm vi từ cao trình đỉnh đập 539,5 xuống cao trình khoảng +535,3, bóc bỏ đá lát khan (tận dụng để sử dụng vào công trình), thay thế gia cố bằng tấm BTCT M200, dưới là tầng lọc ngược. Từ khoảng cao trình +535,3 đến mực nước chết giữ nguyên kết cấu đá lát khan, chỉ tiến hành lát lại những hư hỏng, không đảm bảo chiều dày gia cố.

- Sửa chữa mái hạ lưu đập: Sửa chữa các rãnh thoát nước bị hư hỏng, làm mới thiết bị thoát nước thân đập kiểu áp mái; làm mới hệ thống rãnh thoát nước mái đập kích thước $(b \times h) = (0,2 \times 0,2)\text{m}$ kết cấu bằng bê tông M200, khoảng cách giữa các ô rãnh mái là $6 \times 6\text{m}$; rãnh tiêu nước đứng kích thước $(b \times h) = (0,3 \times 0,3)\text{m}$ kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa M75, khoảng cách giữa các rãnh theo tiêu chuẩn hiện hành (thiết kế phù hợp với hiện trạng rãnh đã có). Bố trí rãnh tiêu nước ở vị trí tiếp giáp mái đập với sườn núi. Rãnh có mặt cắt chữ nhật $(b \times h) = (0,4 \times 0,5)\text{m}$, kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa XM M75.

- Thân đập: Xử lý chống thấm thân đập, phạm vi toàn bộ chiều dài đập $L=216\text{m}$.

- Xử lý mối thân đập.

b) Tràn xả lũ:

- Khoang tràn ở giữa giữ nguyên hiện trạng ở cao trình +535,3m, mở rộng B tràn từ 4m lên 5m và lắp đặt cửa van Clape trực dưới kích thước $(B \times H) = (5 \times 2\text{m})$, vận hành bằng vít me VĐ10-2, phía trên bố trí cầu công tác BTCT M200. Hai bên giữ nguyên tràn tự do.

- Gia cố hố xói tiêu năng sau tràn.

c) Cổng lấy nước:

Giữ nguyên vị trí và kết cấu cổng; bổ sung xây tháp van thượng lưu cổng. Cổng có chiều dài $L=125\text{m}$, khẩu độ cổng D600.

d) Công trình phục vụ quản lý, vận hành:

- Khu nhà quản lý: Xây mới nhà quản lý trên hiện trạng nhà quản lý cũ có diện tích khuôn viên khoảng 90m^2 đặt bên vai phải đập. Nhà quản lý cấp IV, diện tích sàn dự kiến khoảng 70m^2 .

- Xây dựng hệ thống quan trắc thấm, chuyển vị

- + Bố trí hệ thống quan trắc thấm trên 3 mặt cắt ngang quan trắc thấm hai bên vai đập và khu vực giữa đập tại vị trí lòng suối cũ, mỗi mặt cắt ngang bố trí 4 ống quan trắc, mỗi ống quan trắc đặt 01 thiết bị đo thấm trong thân đập và 01 thiết bị đo thấm nền đập;

- + Bố trí hệ thống quan trắc chuyển vị, trong đó có 3 mặt cắt ngang quan trắc chuyển vị hai bên vai đập và khu vực giữa đập tại vị trí lòng suối cũ, tổng cộng bố trí 11 mốc quan trắc đứng; hai đầu đỉnh đập xây dựng 3 mốc cơ sở để quan trắc chuyển vị của đập.

- Hệ thống giám sát:

- + Xây dựng 01 trạm đo mưa đầu mối kết hợp đo mực nước hồ.
- + Xây dựng 01 trạm giám sát độ mở cửa cống.
- + Xây dựng 01 trạm giám sát độ mở cửa 3 tràn.
- + Xây dựng cột thủy chí trên mái đập.
- Cắm mốc bảo vệ công trình đầu mối.
- Lập điều chỉnh quy trình vận hành.

11.3. Hồ Na Hươm:

a) Đập đất:

- Mặt đập: Đắp bù lớp đá dăm, tưới lên lớp nhựa bảm dính, sau đó dải nhựa dày 7cm; mặt đập rộng $B=5,0m$; phạm vi sửa chữa từ mang tràn trái đến hết vai phải đập với tổng chiều dài gia cố $L=168,10m$.

- Mái hạ lưu: Sửa chữa các rãnh thoát nước bị hư hỏng, làm mới thiết bị thoát nước thân đập kiểu áp mái; làm mới hệ thống rãnh thoát nước mái đập kích thước $(b \times h)=(0,2 \times 0,2)m$ kết cấu bằng bê tông M200, khoảng cách giữa các ô rãnh mái là $6 \times 6m$; rãnh tiêu nước đứng kích thước $(b \times h)=(0,3 \times 0,3)m$ kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa M75, khoảng cách giữa các rãnh theo tiêu chuẩn hiện hành (thiết kế phù hợp với hiện trạng rãnh đã có). Bố trí rãnh tiêu nước ở vị trí tiếp giáp mái đập với sườn núi. Rãnh có mặt cắt chữ nhật $(b \times h)=(0,4 \times 0,5)m$, kết cấu đá xây vữa M100 bên trong trát vữa XM M75.

- Sửa chữa lại đồng đá tiêu nước.
- Xử lý mối thân đập.
- Khoan phụt chống thấm thân đập $L=168,10m$.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **100.822.000.000 đồng**. (Một trăm tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí (đ)
I	Giai đoạn chuẩn bị dự án	599.821.098
II	Giai đoạn thực hiện dự án	100.222.898.387
1	Chi phí xây dựng	60.328.469.005
2	Chi phí thiết bị	12.315.319.978
3	Chi phí quản lý dự án	1.193.616.066
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.720.034.000
5	Chi phí khác	1.187.545.000
6	Chi phí dự phòng	17.477.914.338
	Tổng cộng (I)+(II) làm tròn	100.822.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021÷ 2023.
- Thực hiện dự án: 2023÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC:

16.1. Những lưu ý chung

- Khảo sát đầy đủ địa hình, địa chất theo quy định, tính toán lựa chọn giải pháp và phương án thiết kế tối ưu về kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho các hạng mục công trình trong dự án thành phần.

- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

- Kiểm tra, rà soát hệ thống quan trắc công trình, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và hệ thống giám sát bảo đảm an toàn đập theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Xử lý môi: Kiểm tra, đánh giá kỹ về môi trong phạm vi công trình đầu mối để đưa ra biện pháp xử lý đảm bảo an toàn công trình.

- Khảo sát đánh giá kỹ hiện trạng rãnh thoát nước mái hạ lưu hiện có để đưa ra giải pháp thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

16.2. Lưu ý riêng cho từng hồ chứa

- Đối với hồ Pe Luông và hồ Hồng Khénh:

- + Về xử lý thấm đập đất: Rà soát, đánh giá kỹ về địa hình, địa chất (nhất là về địa chất) để tính toán đưa ra giải pháp xử lý thấm phù hợp.

- + Mái thượng lưu: Khảo sát đánh giá kỹ địa chất, địa hình để có giải pháp tối ưu.

- + Công lấy nước: Kiểm tra, tính toán để đưa ra giải pháp sửa chữa tối ưu.

- Đối với hồ Na Hươm:

- + Xử lý thấm đập đất: Rà soát, kiểm tra, đánh giá kỹ địa chất, địa hình để đưa ra giải pháp thiết kế phù hợp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc UBND Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong thực hiện để đảm bảo tiến độ của Dự án.

2. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt tại quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Ban quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên để triển khai các bước tiếp theo.

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu giữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.

3. Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

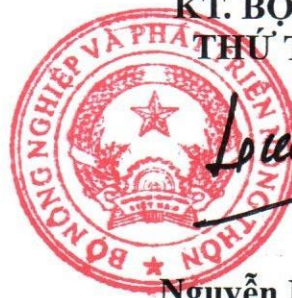
4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

5. Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2, Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Điện Biên;
- Kho bạc NN Điện Biên;
- Lưu: VT, TL.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục:
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án thành phần số 12: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa nước tỉnh Điện Biên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

(Kèm theo Quyết định số 2734/QĐ-BNN-TL ngày 07/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	Kinh phí (đ)		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	545.291.908	54.529.191	599.821.098
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	545.291.908	54.529.191	599.821.098
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	91.253.130.267	8.973.316.120	100.222.898.387
I	Chi phí xây dựng	54.844.062.732	5.484.406.273	60.328.469.005
II	Chi phí thiết bị	11.195.745.435	1.119.574.543	12.315.319.978
III	Chi phí quản lý dự án	1.193.616.066		1.193.616.066
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.031.455.000	688.579.000	7.720.034.000
1	Chi phí khảo sát và lập phương án xử lý mối	973.574.685	97.357.468	1.070.932.153
2	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	1.090.909.091	109.090.909	1.200.000.000
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	32.727.273	3.272.727	36.000.000
4	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công (công trình cải tạo sửa chữa nhân hệ số: 1,5)	2.211.777.537	221.177.754	2.432.955.291
5	Chi phí thẩm tra TKBVTC	66.854.803	6.685.480	73.540.283
6	Chi phí thẩm tra DT	63.829.827	6.382.983	70.212.810
7	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	44.421.818	4.442.182	48.864.000
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.109.853.485	110.985.349	1.220.838.834
9	Chi phí giám sát thiết bị	78.604.946	7.860.495	86.465.441
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	145.669.593		145.669.593
11	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	102.246.618	10.224.662	112.471.279

12	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	110.985.349	11.098.535	122.083.883
13	Chi phí cấm mốc bảo vệ công trình đầu mối	545.454.545	54.545.455	600.000.000
14	Chi phí lập quy trình quản lý vận hành điều chỉnh	454.545.455	45.454.545	500.000.000
V	Chi phí khác	1.099.238.000	91.855.000	1.187.545.000
1	Phí bảo hiểm công trình	528.318.465	52.831.847	581.150.312
2	Phí thẩm định thiết kế	12.859.713		12.859.713
3	Phí thẩm định dự toán	12.249.405		12.249.405
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	75.342.495		75.342.495
5	Chi phí kiểm toán	354.754.797	39.023.028	390.230.276
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	115.713.058		115.713.058
VI	Chi phí dự phòng	15.889.013.035	1.588.901.303	17.477.914.338
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh	7.576.800.468	757.680.047	8.334.480.515
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	8.312.212.567	831.221.257	9.143.433.823
	Tổng cộng (A) + (B)			100.822.719.486
	Làm tròn			100.822.000.000

